

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 99/2024/HS-ST

Ngày: 26/11/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Trúc Giang (Hội Phụ nữ)
2. Ông Trần Văn Hưng

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2024/TLST-HS ngày 10/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HS ngày 16/10/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/HSST- QĐ ngày 30/10/2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Võ Thành T, sinh ngày 07/4/2007 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số B, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T1, sinh năm 1980 và bà Võ Thị Hải H, sinh năm 1984; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 12/9/2024 bị Công an thành phố B xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 157/QĐ-XPHC). Bị cáo bị tạm giữ trong vụ án khác từ ngày 29/3/2024 đến ngày 01/4/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Võ Thành T và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trần Ngọc T1, sinh năm 1980; Võ Thị Hải H, sinh năm 1983; nơi cư trú: số B, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt

Người bào chữa của bị cáo Trần Võ Thành T: Ông Lê Quốc Đ là trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt.

2. Phan Thành N, sinh ngày 14/4/2005 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số G, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: làm thuê;

dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thành T2, sinh năm: 1979 và bà Phạm Anh T3, sinh năm 1980; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 26/02/2024 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 73/QĐ-XPHC, chưa đóng phạt);

- Ngày 15/3/2024 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt 4.000.000 đồng về hành vi “Mang theo trong người vũ khí thô sơ có khả năng sát thương” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 119/QĐ-XPHC, chưa đóng phạt);

- Ngày 20/8/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt Phan Thành N 07 tháng tù về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật” (Bản án Hình sự sơ thẩm số 66/2024/HSST, chưa chấp hành án);

- Ngày 12/9/2024 bị Công an thành phố B xử phạt 4.000.000 đồng về hành vi “Mang theo trong người công cụ hỗ trợ và công cụ có khả năng gây sát thương nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 154/QĐ-XPHC);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/4/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Ca Văn Tuấn K, sinh ngày 29/5/2007 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số E, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ca Văn Mười B, sinh năm 1982 và bà Trương Thị Thùy T4, sinh năm 1984; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/7/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Ca Văn Tuấn K:

- Ông Ca Văn Mười B, sinh năm 1982; nơi cư trú: số E, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- Bà Trương Thị Thùy T4, sinh năm 1984; nơi cư trú: số E, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

Người bào chữa của bị cáo Ca Văn Tuấn K: Ông Nguyễn Văn T5 là trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt

- Bị hại:

1. Tổng Trường D, sinh năm 2001; nơi cư trú: số D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Trương Văn S, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp E, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Trương Kim Đ1, sinh năm 1963; nơi cư trú: số E, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

2. Trương Thị Thúy H1, sinh năm 1990; nơi cư trú: số E, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

3. Phan Thành T2, sinh năm 1979; nơi cư trú: số G, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

4. Lê Anh T6, sinh ngày 10/01/2008; nơi cư trú: số A, ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của Lê Anh T6 và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Lê Thành V, sinh năm 1984; Nguyễn Thoại Q, sinh năm 1983; nơi cư trú: số A, ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Lê Anh T6: Luật sư Trần Thị Cẩm T7 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

5. Nguyễn Minh Gia B1, sinh ngày 01/12/2008; nơi cư trú: số A, ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

Đại diện hợp pháp của Nguyễn Minh Gia B1:

- Nguyễn Minh H2, sinh năm 1984; nơi cư trú: số C, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- Nguyễn Thị Thùy D1, sinh năm 1987; nơi cư trú: số C, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyễn Minh Gia B1: Ông Nguyễn Minh K1 là trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn N1, sinh năm 2005; nơi cư trú: số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Nguyễn Công T8, sinh năm 2005; nơi cư trú: số D, đường Â, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 07/01/2024 đến ngày 13/01/2024, Trần Võ Thành T cùng Lê Anh T6, sinh ngày: 10/01/2008, ĐKTT: Số A, Ấp A, xã S, thành phố B, Trần Võ Thành T, Phan Thành N, Ca Văn Tuấn K và Nguyễn Minh Gia B1, sinh ngày: 01/12/2008, ĐKTT: Ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre đã có hành vi gây thương tích cho người khác, như sau:

Vụ thứ nhất: khoảng 21 giờ 05 phút ngày 07/01/2024, Lê Anh T6 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave, màu: đen (không rõ biển số, xe T6 mượn của người bạn tên H3 không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) chờ Trần Võ Thành T đi từ Công viên B ra Đường 30 T, phường A, thành phố B. Đến đầu Công viên B, đoạn giao nhau giữa đường 30 tháng 4 và đường Cách mạng tháng tám, T6 và T thấy Tổng Trường D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Exciter 150cc, màu: trắng, biển số: 71C4-520.01 đi từ đường 30 tháng 4 vào Công viên B, T6 cho rằng D chạy xe net pô nên nói với T “nó net pô kiểm chuyện ta”. T nói “đánh nó không”. T6 trả lời “Ok” (nghĩa là đồng ý đánh D). T6 điều khiển xe chờ T đuổi theo D. Đến khu vực cổng vào Công viên B phía đối diện Vòng xoay A, T6 thấy D đang đậu xe, D ngồi trên xe trước cổng Công viên B. T6 dừng xe đến vị trí D đang ngồi, dùng chân đạp xe của D làm D té ngã rồi dùng tay đánh vào mặt của D. D đứng dậy, dùng tay đánh T6. T và T6 cùng xông vào dùng tay, chân đánh nhiều cái vào người của D. D té ngã rồi nhặt đá, cát ở nền công viên ném vào T. T lấy từ trong túi quần phía sau, bên phải của T đang mặc 01 (một) con dao bấm, bật lưỡi dao ra và đâm nhiều nhát vào vùng đùi, lưng và tay của D. T6 tiếp tục dùng chân đá vào người của D. T đến xe của D dùng dao đâm vào 02 bánh xe của D rồi T lên xe cho T6 chở về nhà. T cất giấu con dao gây án tại nhà của T ở Số B, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. D được đưa đến Bệnh viện Đ2, tỉnh Bến Tre cấp cứu và điều trị đến ngày 01/10/2024 xuất viện.

Hiện trường xảy ra vụ án tại khu vực Công viên B ở Khu phố E, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nơi xảy ra vụ án cách Đường Cách mạng Tháng 8 về phía Nam 08m; cách trụ điện số 16 về phía Đông 06m.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 66/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 14/3/2024 của Trung tâm Pháp y Sở y tế tỉnh B kết luận:

Các kết quả chính: Sẹo lưng (T) ngang bờ dưới xương vai kích thước trung bình; Sẹo lưng trái cạnh cột sống ngang L3 kích thước trung bình; Sẹo 1/3 giữa mặt ngoài cánh tay (T) kích thước trung bình; Sẹo 1/3 giữa ngoài đùi (T) kích thước trung bình; Sẹo vùng mông (P) kích thước lớn; Sẹo 1/3 trên ngoài đùi (P) kích thước lớn; Sẹo 1/3 giữa ngoài đùi (P) kích thước nhỏ; Sẹo 1/3 giữa ngoài đùi (P) kích thước trung bình; Sẹo 1/3 dưới ngoài đùi (P) kích thước trung bình; Tổn thương màng phổi trái không phẫu thuật và không để lại di chứng.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Tổng Trường D tại thời điểm giám định là: 20%, áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

3. Kết luận khác:

Phân tích tỷ lệ từng vết thương: Sẹo lưng (T) ngang bờ dưới xương vai kích thước trung bình: 02% căn cứ chương 8, mục I.2; Sẹo lưng trái cạnh cột sống

ngang L3 kích thước trung bình: 02% căn cứ chương 8, mục I.2; Sẹo 1/3 giữa mặt ngoài cánh tay (T) kích thước trung bình: 02% căn cứ chương 8, mục I.2; Sẹo 1/3 giữa ngoài đùi (T) kích thước trung bình: 02% căn cứ chương 8, mục I.2; Sẹo vùng mông (P) kích thước lớn: 03% căn cứ chương 8, mục I.3; Sẹo 1/3 trên ngoài đùi (P) kích thước lớn: 03% căn cứ chương 8, mục I.3; Sẹo 1/3 giữa ngoài đùi (P) kích thước nhỏ: 01% căn cứ chương 8, mục I.1; Sẹo 1/3 giữa ngoài đùi (P) kích thước trung bình: 02% căn cứ chương 8, mục I.2; Sẹo 1/3 dưới ngoài đùi (P) kích thước trung bình: 02% căn cứ chương 8, mục I.2; Tổn thương màng phổi trái không phẫu thuật và không để lại di chứng: 03% căn cứ chương 3 mục III.1. Cơ chế hình thành vết thương do vật sắc nhọn gây ra.

Tại Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 307/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 23/9/2024 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh B kết luận: 1. Các kết quả chính: Vết thương phần mềm phức tạp vùng lưng và cạnh cột sống, tràn khí màng phổi (T) lượng ít/ Vết thương phần mềm phức tạp đùi (T), đùi (P), mông (P), cánh tay (T). 2. Kết luận: Căn cứ giấy chứng nhận thương tích số 081/2024/CN và hồ sơ bệnh án của Tổng Trường D do Bệnh viện Nguyễn Đình C cấp, với những thương tích đã nêu trong giấy chứng nhận thương tích nếu không được cấp cứu kịp thời có thể dẫn đến tử vong.

Tại Kết luận định giá tài sản số 541/KL-HĐĐG ngày 12/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: Vỏ ruột bánh trước của xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, loại: Exciter 150cc, màu: trắng-đỏ-đen, trị giá tài sản vào ngày 07/01/2024: 400.000 đồng; V1 ruột bánh trước của xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Exciter 150cc, màu: trắng-đỏ-đen, trị giá tài sản vào ngày 07/01/2024: 400.000 đồng. Tổng cộng 800.000 đồng.

Vụ Thứ hai: khoảng 19 giờ 00 phút ngày 13/01/2024, Phan Thành N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Exciter 135 (không rõ biển số, xe của Trần Võ Thành T mượn của người bạn tên H4 không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) chở Trần Võ Thành T lưu thông trên Đại lộ Đ hướng từ vòng xoay T về vòng xoay P. Đến khu vực trường trung học phổ thông N2 ở phường P, thành phố B, N thấy Trương Văn S điều khiển xe mô tô biển số: 52S-094.79 chạy vượt lên phía bên trái xe của N. N cho rằng S điều khiển xe tạt đầu xe của N và nẹt pô nên đuổi theo. Đến khu vực vòng xoay P, phường P, thành phố B N chạy vượt qua xe Sang. Chạy được một đoạn, S tiếp tục vượt qua xe của N và nẹt pô. N tăng ga, đuổi theo xe của S và nói với T đuổi theo, ép xe của S và đánh S thì T đồng ý. T dùng tay phải lấy từ trong túi quần phía sau bên phải của T đang mặc 01 (một) con dao bấm, T cầm dao trên tay và bật lưỡi dao ra. Đến đoạn gần Công viên A, phường A, thành phố B N đuổi kịp xe của S, N dùng chân đạp xe của S nhưng không trúng. S tiếp tục điều khiển xe qua Cầu B về hướng xã M. Cùng lúc này, Ca Văn Tuấn K (là bạn của N) điều khiển xe mô tô biển số: 71B1-463.57 (xe Khanh mượn của bà ngoại K tên Trương Kim Đ1) chở Nguyễn Minh Gia B1 đi chơi ở khu vực Công viên A thấy N nên K đuổi theo N. K hỏi N “Chuyện gì vậy?” N trả lời “Nó (nghĩa là S) nẹt pô kiếm chuyện, dí đâm nó đi” và N chỉ về hướng S cho K nhận dạng. K

liền tăng ga đuổi theo S, B1 lấy từ túi quần phía sau bên phải của B1 đang mặc 01 (một) con dao cầm bằng tay phải. Khi đến giữa cầu B thì K đuổi kịp xe của S, B1 ngồi phía sau dùng dao đâm 01 nhát trúng vào vai trái của S và tiếp tục đâm 01 nhát trúng vào cẳng tay trái của S. K điều khiển xe vượt lên, S tiếp tục điều khiển xe đến đoạn đường dẫn cầu B phía bên xã M thì bị xe của N đuổi kịp và chặn đầu xe của S. Lúc này, T liền xuống xe cầm dao đến đâm nhiều nhát vào vùng lưng và đùi trái của S. K dừng xe, B1 bước xuống xe, chạy đến vị trí của S, tiếp tục dùng dao đâm nhiều nhát vào vùng mông của S. N nói “Thôi được rồi” thì T và B1 dừng lại và lên xe cho K và N điều khiển đến Quán G ở Số K Phố C, phường P, thành phố B. Tại đây, N nói với cả nhóm là N có đem theo 01 (một) cây súng nếu N không chạy xe tay côn thì đã lấy súng bắn S và N đưa cây súng cho cả nhóm xem. Đối với S, sau khi bị gây thương tích, S được mọi người đưa vào Bệnh viện Đ2, tỉnh Bến Tre cấp cứu và điều trị đến ngày 18/01/2024 xuất viện.

Hiện trường xảy ra vụ án tại phần đường bên phải đường dẫn cầu B, cách chân cầu B 16m theo hướng từ cầu B đi đường N. Tại hiện trường phát hiện nhiều vùng vết màu nâu đỏ nghi máu, dạng nhỏ giọt.

Vật chứng thu giữ:

Do Trần Võ Thành T giao nộp: 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm, chiều dài khi gấp lại là 13,5cm, chiều dài khi mở ra: 24 cm, lưỡi dao dài 11cm, mũi nhọn, chiều rộng: 3,3cm, màu: đen-trắng (là hung khí T9 dùng để đâm bị hại Tổng Trường D và bị hại Trương Văn S);

- Do Phan Thành N giao nộp: 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm, chiều dài khi gấp lại: 12cm, chiều dài khi mở ra: 22cm, chiều rộng: 2,4cm, mũi dao nhọn, màu đen; 01 (một) cây súng bằng kim loại hình trụ, chiều dài: 11,5cm, đường kính: 1,5cm, đường kính nòng súng: 0,7cm, nút bấm cách đầu súng: 05cm, đầu súng có gắn móc khóa màu: vàng – xám, có chữ: “MADE IN GERMANY”;

- Do Nguyễn Minh Gia B1 giao nộp 01 (một) con dao bằng kim loại, màu đen, loại dao bấm, kích thước khi gấp lại: chiều dài 13 cm, chiều rộng: 3,5cm; kích thước khi bật ra: chiều dài 23cm, chiều rộng: 3,1 cm, mũi dao nhọn;

- Do Ca Văn Tuấn K giao nộp: 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro max, Số seri: F2LDWN680D46, Số I: 359237633926725; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Future FI, Biển số: 71B1-463.57, màu: nâu, vàng, đen, Số khung: RLHJC5314CY017533, Số máy: JC54E0036111.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 53/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 26/02/2024 của Trung tâm pháp y Sở Y kết luận, các kết quả chính: Sẹo lưng kích thước nhỏ; Sẹo mặt trước ngoài 1/3 giữa cánh tay trái kích thước trung bình; Sẹo mặt sau 1/3 cẳng tay trái kích thước trung bình; Sẹo mặt sau ngoài 1/3 giữa đùi trái kích thước trung bình; Sẹo mặt ngoài 1/3 dưới đùi trái kích thước trung bình; Sẹo mông phải kích thước nhỏ; Sẹo mông trái kích thước nhỏ.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trương Văn S tại thời điểm giám định là: 11%, áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

3. Kết luận khác: Phân tích tỷ lệ từng vết thương: Sẹo lưng kích thước nhỏ: 01% căn cứ chương 8 mục I.1; Sẹo mặt trước ngoài 1/3 giữa cánh tay trái kích thước trung bình: 02% căn cứ chương 8 mục I.2; Sẹo mặt sau 1/3 cẳng tay trái kích thước trung bình: 02% căn cứ chương 8 mục I.2; Sẹo mặt sau ngoài 1/3 giữa đùi trái kích thước trung bình: 02% căn cứ chương 8 mục I.2; Sẹo mặt ngoài 1/3 dưới đùi trái kích thước trung bình: 02% căn cứ chương 8 mục I.2; Sẹo mông phải kích thước nhỏ: 01% căn cứ chương 8 mục I.1; Sẹo mông trái kích thước nhỏ: 01% căn cứ chương 8 mục I.1. Cơ chế hình thành vết thương: do vật sắc nhọn gây ra.

Kết luận giám định vật gây thương tích số 193/24/KLVGTT-TTPYBT ngày 05/7/2024 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh B kết luận, các kết quả chính: Kết quả nghiên cứu mẫu vật con dao thứ nhất: con dao bằng kim loại, loại dao bấm, màu đen-trắng là vật sắc nhọn. Kết quả đối chiếu mẫu vật với thương tích: đặc điểm, tính chất của con dao gửi giám định là vật sắc nhọn phù hợp với thương tích của Trương Văn S. Kết quả nghiên cứu mẫu vật con dao thứ hai: con dao bằng kim loại, loại dao bấm, màu đen là vật sắc nhọn. Kết quả đối chiếu mẫu vật với thương tích: đặc điểm, tính chất của con dao gửi giám định là vật sắc nhọn phù hợp với thương tích của Trương Văn S.

2. Kết luận: Căn cứ kết quả giám định vật gây thương tích được cơ quan trung cầu giám định gửi đến có phù hợp với đặc điểm tổn thương, xác định hai con dao gửi giám định có thể gây ra được vết thương của Trương Văn S. Một con dao bằng kim loại, loại dao bấm, chiều dài dao khi gấp lại là 13,5cm, chiều dài dao khi mở ra là 24 cm, lưỡi dao dài 11cm, chiều rộng dao là 3,3cm, mũi dao nhọn, màu đen-trắng, có khả năng gây thương tích cho bị hại Trương Văn S. Một con dao bằng kim loại, loại dao bấm, chiều dài dao khi gấp lại là 13cm, chiều dài dao khi mở ra là 23 cm, chiều rộng dao là 3,1cm, mũi dao nhọn, màu đen, có khả năng gây thương tích cho bị hại Trương Văn S.

Với vị trí vết thương, các bộ phận tổn thương, tỷ lệ thương tích của Trương Văn S nếu S không được đưa đi cấp cứu kịp thời không có khả năng tử vong.

Kết luận giám định số 310/KL-KTHS (Đ2) ngày 12/3/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh T kết luận: Mẫu vật gửi giám định ký hiệu A là súng tự chế dạng hình bút cỡ nòng 7mm; súng sử dụng để bắn được với loại đạn cao su cỡ (10x22)mm. Hiện tại khẩu súng còn đầy đủ các bộ phận, lắp ráp đúng vị trí và bắn được đạn nổ. Khẩu súng nêu trên là công cụ có tính năng tác dụng tương tự súng bắn đạn cao su và thuộc danh mục công cụ hỗ trợ, không phải vũ khí quân dụng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Trần Võ Thành T, Phan Thành N và Ca Văn Tuấn K đã khai nhận phù hợp với nhau về hành vi phạm tội của các bị cáo, lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai các bị hại, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan, lời khai người làm chứng, phù hợp với Kết luận giám định thương tích và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Về xử lý vật chứng: Ngày 14/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho bà Trương Kim Đ1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Future FI, Biển số: 71B1-463.57, màu: nâu, vàng, đen, Số khung: RLHJC5314CY017533, Số máy: JC54E0036111. Ngày 14/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho Ca Văn Tuấn K 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro max, Số seri: F2LDWN680D46, Số I: 359237633926725. Ngày 14/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định xử lý vật chứng chuyển 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm, chiều dài khi gập lại: 12cm, chiều dài khi mở ra: 22cm, chiều rộng: 2,4cm, mũi dao nhọn, màu đen và 01 (một) cây súng bằng kim loại hình trụ, chiều dài: 11,5cm, đường kính: 1,5cm, đường kính nòng súng: 0,7cm, nút bấm cách đầu súng: 05cm, đầu súng có gắn móc khóa màu: vàng – xám, có chữ: “MADE IN GERMANY” là công cụ hỗ trợ do Phan Thành N mang theo nhưng không dùng dao và súng khi thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho Trương Văn S, Cơ quan điều tra chuyển dao, súng này theo hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với N về hành vi mang theo trong người công cụ hỗ trợ và công cụ có khả năng gây sát thương nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác.

Đối với 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm, chiều dài khi gập lại là 13,5cm, chiều dài khi mở ra: 24 cm, lưỡi dao dài 11cm, mũi nhọn, chiều rộng: 3,3cm, màu: đen-trắng là công cụ Trần Võ Thành T dùng gây thương tích cho Tổng Trường D và Trương Văn S; 01 (một) con dao bằng kim loại, màu đen, loại dao bấm, kích thước khi gập lại: chiều dài: 13 cm, chiều rộng: 3,5cm; kích thước khi bật ra: chiều dài: 23cm, chiều rộng: 3,1 cm, mũi dao nhọn là công cụ Nguyễn Minh Gia B1 dùng để gây thương tích cho Trương Văn S chưa xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Tổng Trường D yêu cầu Trần Võ Thành T và Lê Anh T6 liên đới bồi thường số tiền 40.300.000 đồng, gồm: chi phí điều trị: 2.500.000 đồng; tiền ngày công lao động lúc nằm viện: 900.000 đồng; tiền ngày công lao động khi điều trị tại nhà: 13.500.000 đồng; chi phí đi lại: 900.000 đồng; tiền thuốc điều trị thương tích: 2.500.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 20.000.000 đồng. Ngoài ra, anh D yêu cầu bị cáo T bồi thường 800.000 đồng tiền chi phí thay mới 02 vỏ xe.

Anh Trần Ngọc T1 đồng ý thay Trần Võ Thành T bồi thường cho bị hại Tổng Trường D 20.950.000 đồng. Anh T10 đã bồi thường cho D 5.800.000 đồng gồm 800.000 đồng tiền thay mới 02 vỏ xe và 5.000.000 đồng tiền liên quan đến việc bị cáo T gây thương tích cho bị hại.

Chị Nguyễn Thoại Q là mẹ của Lê Anh T6 đồng ý thay T6 bồi thường cho bị hại D số tiền 20.150.000 đồng nhưng chị Q chưa có tiền nên chưa bồi thường.

Bị hại Trương Văn S yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, trong đó: Anh Trần Ngọc T1 đồng ý thay Trần Võ Thành T bồi thường cho bị hại Trương Văn S 5.000.000 đồng. Anh Tú không yêu cầu T trả cho anh T1 số tiền 5.000.000 đồng anh T1 thay T để bồi thường cho anh S.

Anh Phan Thành T2 (là cha của Phan Thành N) đã thay N bồi thường cho anh S 5.000.000 đồng. Anh T2 không yêu cầu N trả cho anh T2 số tiền 5.000.000 đồng anh T2 thay N để bồi thường cho anh S.

Chị Trương Thị Thúy H1 (là dì của Ca Văn Tuấn K) đã thay K bồi thường cho anh S 5.000.000 đồng. Chị H1 không yêu cầu K trả cho chị số tiền 5.000.000 đồng mà chị H1 thay K bồi thường cho anh S.

Chị Nguyễn Thị Thùy D1 (là mẹ của Nguyễn Minh Gia B1) đã thay B1 bồi thường cho bị hại S 5.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 73/CT-VKSTPBT ngày 08/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Trần Võ Thành T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c, đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i, khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phan Thành N và Ca Văn Tuấn K về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i, khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm c, đ khoản 2 (thuộc điểm a, i, khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Trần Võ Thành T từ 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i, khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Phan Thành Nhân T11 02 năm 6 tháng đến 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với hình phạt 07 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i, khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Ca Văn Tuấn K từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Tổng Trường D yêu cầu Trần Võ Thành T và Lê Anh T6 liên đới bồi thường số tiền 41.100.000 đồng; anh Trần Ngọc T1 là cha ruột của Trần Võ Thành

T đồng ý thay Trần Võ Thành T bồi thường cho bị hại Tổng Trường D 20.950.000 đồng. Anh Tú đã bồi thường cho D 5.800.000 đồng còn lại 15.150.000 đồng. Chị Nguyễn Thoại Q là mẹ của Lê Anh T6 đồng ý thay T6 bồi thường cho bị hại D số tiền 20.150.000 đồng nhưng chị Q chưa có tiền nên chưa bồi thường nên buộc tiếp tục bồi thường.

Bị hại Trương Văn S yêu cầu Trần Võ Thành T, Phan Thành N Ca Văn Tuấn K và Nguyễn Minh Gia B1 bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, trong đó: Anh Trần Ngọc T1 đã bồi thường cho bị hại Trương Văn S 5.000.000 đồng. Anh Phan Thành T2 (là cha của Phan Thành N) đã thay N bồi thường cho anh S 5.000.000 đồng. Chị Trương Thị Thúy H1 (là dì của Ca Văn Tuấn K) đã thay K bồi thường cho anh S 5.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Thùy D1 (là mẹ của Nguyễn Minh Gia B1) đã thay B1 bồi thường cho bị hại S 5.000.000 đồng là đủ và không ai có yêu cầu bồi thường nào khác nên ghi nhận.

Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho bà Trương Kim Đ1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Future FI, Biển số: 71B1-463.57, màu: nâu, vàng, đen; đã trả cho Ca Văn Tuấn K 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro max.

Ghi nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định xử lý vật chứng chuyển 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm, chiều dài khi gấp lại: 12cm, chiều dài khi mở ra: 22cm, chiều rộng: 2,4cm, mũi dao nhọn, màu đen và 01 (một) cây súng bằng kim loại hình trụ, chiều dài: 11,5cm, đường kính: 1,5cm, đường kính nòng súng: 0,7cm, nút bấm cách đầu súng: 05cm, đầu súng có gắn móc khóa màu: vàng – xám, có chữ: “MADE IN GERMANY” là công cụ hỗ trợ do Phan Thành N mang theo nhưng không dùng dao và súng khi thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho Trương Văn S, Cơ quan điều tra chuyển dao, súng này theo hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với N về hành vi mang theo trong người công cụ hỗ trợ và công cụ có khả năng gây sát thương nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm, chiều dài khi gấp lại là 13,5cm, chiều dài khi mở ra: 24 cm, lưỡi dao dài 11cm, mũi nhọn, chiều rộng: 3,3cm, màu: đen-trắng là công cụ Trần Võ Thành T dùng gây thương tích cho Tổng Trường D và Trương Văn S; 01 (một) con dao bằng kim loại, màu đen, loại dao bấm, kích thước khi gấp lại: chiều dài: 13 cm, chiều rộng: 3,5cm; kích thước khi bật ra: chiều dài: 23cm, chiều rộng: 3,1 cm, mũi dao nhọn là công cụ Nguyễn Minh Gia B1 dùng để gây thương tích cho Trương Văn S.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Đại diện hợp pháp của bị cáo T trình bày: lời khai của bị cáo tại phiên tòa là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị cáo K trình bày: lời khai của bị cáo tại phiên tòa là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa của bị cáo Trần Võ Thành T trình bày: Thống nhất về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

Người bào chữa của bị cáo Ca Văn Tuấn K trình bày: Thống nhất về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

Bị hại Trương Văn S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt có nội dung trình bày: Việc các bị cáo gây thương tích cho anh như cáo trạng là phù hợp. Về trách nhiệm dân sự anh yêu cầu những người gây thương tích cho anh bồi thường 20.000.000 đồng, anh đã nhận đủ tiền bồi thường nên không có yêu cầu gì khác, về trách nhiệm dân sự anh yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Thị Thúy H1 trình bày: bà là dì của Ca Văn Tuấn K, K có nhờ bà bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, bà đã bồi thường xong và không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Thị Kim Đ1 trình bày: xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Future FI, Biển số: 71B1-463.57, màu: nâu, vàng, đen là của bà cho bị cáo mượn nhưng bà không biết bị cáo dùng xe vào việc phạm tội, bà đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thành T2 trình bày: anh là cha của Phan Thành N, N có nhờ anh bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, anh đã bồi thường xong và không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Anh T6; đại diện hợp pháp của Lê Anh T6 và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Lê Thành V, Nguyễn Thoại Q vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Lê Anh T6 đồng ý bồi thường phần trách nhiệm dân sự theo yêu cầu của bị hại, cha, mẹ của Lê Anh T6 đồng ý bồi thường thay cho T6 nếu T6 không bồi thường hoặc bồi thường không đầy đủ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Lê Anh T6 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Lê Anh T6 đồng ý bồi thường phần trách nhiệm dân sự cho bị hại nên đề nghị ghi nhận để buộc bị cáo Trần Nguyễn Thành T12 và Lê Anh T6 bồi thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh Gia B1 trình bày: việc anh gây thương tích cho bị hại như cáo trạng nêu là đúng, anh có nhờ mẹ của anh là bà Nguyễn Thị Thùy D1 bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, bà D1 đã bồi thường xong và không có yêu cầu gì đối với số tiền này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thùy D1 trình bày: bà là mẹ của Nguyễn Minh Gia B1, B1 có nhờ bà bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, bà đã bồi thường xong và không có yêu cầu B1 trả lại số tiền này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyễn Minh Gia B1 trình bày: Nguyễn Minh Gia B1 đồng ý bồi thường phần trách nhiệm dân sự cho bị hại và đã nhờ gia đình bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu nào khác nên đề nghị ghi nhận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 290; Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 07/01/2024, Trần Võ Thành T, Lê Anh T6, sinh ngày: 10/01/2008 (15 tuổi 11 tháng 28 ngày chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự) cho rằng anh Tống Trường D chạy xe net bỏ kiểm chuyện với T và T6 nên T và T6 có hành vi cùng nhau gây thương tích cho D. Trong đó, T6 đánh D bằng tay, T dùng dao đâm nhiều cái vào vùng đùi, lưng và tay của D gây thương tích 20% (Hai mươi phần trăm) tại trước cổng Công viên B ở phường A, thành phố B.

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 13/01/2024, Trần Võ Thành T và Phan Thành N cho rằng Trương Văn S chạy xe vượt lên và ép xe của N và T nên N và T đuổi theo để chặn xe đánh S. Trên đường đi N và T gặp Ca Văn Tuấn K và Nguyễn Minh Gia B1, sinh ngày: 01/12/2008 (15 tuổi 01 tháng 12 ngày chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự). N rủ K và B1 đuổi theo để đánh S. N, K, T và B1 có hành vi cùng nhau gây thương tích cho S. Trong đó, N và K có hành vi chửi T và B1 chặn xe anh S để T và B1 dùng dao đâm nhiều nhất vào vùng vai, cẳng tay và hông của S, gây thương tích cho anh S 11% (Mười một phần trăm) tại khu vực đường D ở xã M, thành phố B.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật; các bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn nhưng các bị cáo vẫn cố ý cùng nhau dùng hung khí để gây thương tích bị hại, tỉ lệ thương tích của bị hại là 11% và 20%; trong đó bị cáo T tham gia gây thương tích 02 vụ, bị cáo N, bị cáo K gây thương tích 01 vụ. Trong những lần thực hiện hành vi tội phạm này có Lê Anh T6 (sinh ngày 10/01/2008) và Nguyễn Minh Gia B1 (sinh ngày 01/12/2008) là người chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm nghiêm trọng. Do đó, cáo trạng truy tố bị cáo Trần Võ Thành T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c, đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i, khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phan Thành N và Ca Văn Tuấn K về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i, khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự và không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Lê Anh T6 và Nguyễn Minh Gia B1 là có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, tạo sự hoài nghi, tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì bị cáo có K có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo N có nhân thân xấu đã nhiều lần bị xử lý vi phạm hành chính và bị kết án. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì bị cáo T có hành vi rủ rê bị cáo K, Lê Anh T6; bị cáo T, bị cáo N có hành vi rủ rê bị cáo K, Nguyễn Minh Gia B1 là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo được hưởng các tình tiết “Người phạm tội tự nguyện bồi thường khắc phục một phần thiệt hại”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T, bị cáo K là người đủ 16 tuổi và chưa đủ 18 tuổi khi thực hiện hành vi phạm tội nên áp dụng Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự khi xem xét áp dụng hình phạt đối với các bị cáo.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Xét về vai trò đồng phạm thì trong vụ án này các bị cáo đồng phạm giản đơn, trong vụ án đối với bị hại D thì bị cáo T là người đề xuất, rủ rê Lê Anh T6 và là người thực hành; trong vụ án đối với bị hại S thì bị cáo T, bị cáo N rủ rê bị cáo K, Nguyễn Minh Gia B1, bị cáo T, bị cáo N và bị cáo K cùng là người thực hành khi gây thương tích cho bị hại S. Do đó, cần cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Ngày 20/8/2024 bị cáo Phan Thành N bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 07 tháng tù (bản án hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST), bị cáo chưa chấp hành nên cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt để buộc bị cáo chấp hành chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Tống Trường D yêu cầu Trần Võ Thành T và Lê Anh T6 liên đới bồi thường số tiền 40.300.000 đồng về thương tích do bị cáo T và Lê Anh T6 gây ra cho bị hại và yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại do bị cáo T đâm thủng lốp xe của D số tiền 800.000 đồng, anh Trần Ngọc T1 là cha ruột của T đã bồi thường cho D 800.000 đồng thiệt hại do T đâm thủng lốp xe của D xong nên ghi nhận. Xét thấy số tiền 40.300.000 đồng mà bị hại yêu cầu là phù hợp và được bị cáo T, đại diện hợp pháp của bị cáo T; Lê Anh T6 và đại diện hợp pháp của Anh T6 đồng ý bồi thường nên buộc bị cáo T; Lê Anh T6 liên đới bồi thường số tiền 40.300.000 đồng. Ghi nhận anh Trần Ngọc T1 là cha ruột của Trần Võ Thành T đã bồi thường cho D 5.000.000 đồng. Do bị cáo T; Lê Anh T6 là người dưới 18 tuổi nên trường hợp bị cáo T; Lê Anh T6 không bồi thường đầy đủ cho anh D thì cha, mẹ của bị cáo T, cha mẹ của Lê Anh T6 phải bồi thường thay cho bị cáo T và Lê Anh T6.

Bị hại Trương Văn S yêu cầu Trần Võ Thành T, Phan Thành N, Ca Văn Tuấn K và Nguyễn Minh Gia B1 bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Xét thấy số tiền 20.000.000 đồng mà bị hại yêu cầu bồi thường là phù hợp và Trần Võ Thành T, Phan Thành N, Ca Văn Tuấn K và Nguyễn Minh Gia B1 đã bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu nào khác nên ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho bà Trương Kim Đ1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Future FI, Biển số: 71B1-463.57, màu: nâu, vàng, đen; đã trả cho Ca Văn Tuấn K 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro max.

Ghi nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định xử lý vật chứng chuyển 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm, chiều dài khi gấp lại: 12cm, chiều dài khi mở ra: 22cm, chiều rộng: 2,4cm, mũi dao nhọn, màu đen và 01 (một) cây súng bằng kim loại hình trụ, chiều dài: 11,5cm, đường kính: 1,5cm, đường kính nòng súng: 0,7cm, nút bấm cách đầu súng: 05cm, đầu súng có gắn móc khóa màu: vàng – xám, có chữ: “MADE IN GERMANY” là công cụ hỗ trợ do Phan Thành N mang theo nhưng không dùng dao và súng khi thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho Trương Văn S, Cơ quan điều tra chuyển dao, súng này theo hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với N về hành vi

mang theo trong người công cụ hỗ trợ và công cụ có khả năng gây sát thương nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm, chiều dài khi gấp lại là 13,5cm, chiều dài khi mở ra: 24 cm, lưỡi dao dài 11cm, mũi nhọn, chiều rộng: 3,3cm, màu: đen-trắng là công cụ Trần Võ Thành T dùng gây thương tích cho Tổng Trường D và Trương Văn S; 01 (một) con dao bằng kim loại, màu đen, loại dao bấm, kích thước khi gấp lại: chiều dài: 13 cm, chiều rộng: 3,5cm; kích thước khi bật ra: chiều dài: 23cm, chiều rộng: 3,1 cm, mũi dao nhọn là công cụ Nguyễn Minh Gia B1 dùng để gây thương tích cho Trương Văn S.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, xử lý vật chứng, hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo; đề nghị của người bào chữa của các bị cáo; đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Lê Anh T6; đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyễn Minh Gia B1 là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Đối với việc Trần Võ Thành T dùng dao đâm thủng bánh xe của anh Tổng Trường D làm thiệt hại tài sản của anh D; giá trị tài sản thiệt hại 800.000 đồng là không cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. nên ngày 12/9/2024 Công an thành phố B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 157/QĐ-XPHC xử phạt Trần Võ Thành T số tiền 2.000.000 đồng về hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản là có cơ sở nên ghi nhận.

Đối với việc Phan Thành N mang trong người 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm và 01 (một) cây súng bằng kim loại là công cụ hỗ trợ, khi thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho Trương Văn S nhưng không sử dụng và chưa đủ cấu thành tội phạm nên ngày 12/9/2024 Công an thành phố B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 154/QĐ-XPHC xử phạt Phan Thành N 4.000.000 đồng về hành vi “Mang theo trong người công cụ hỗ trợ và công cụ, có khả năng sát thương nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác” và chuyển kèm theo 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm và 01 (một) cây súng bằng kim loại vào hồ sơ xử lý hành chính là có cơ sở.

Đối với bà Trương Kim Đ1, khi K lấy xe mô tô biển số: 71B1-463.57 làm phương tiện đi lại nhưng bà Đ1 không biết và không có liên quan đến hành vi phạm tội của K nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự bà Đ1 là phù hợp.

Đối với xe mô tô không rõ biển số Lê Anh T6 dùng để chở Trần Võ Thành T đến chỗ Tổng Trường D để gây thương tích cho D nhưng không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Đối với xe mô tô không rõ biển số Phan Thành N dùng để chở Trần Võ Thành T đuổi theo Trương Văn S để gây thương tích cho S, N khai mượn của người Nam thanh niên tên H4 không rõ họ tên địa chỉ, ngoài lời khai của N ra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không có căn cứ nào khác xác định người tên H4

cho N mượn xe này và phương tiện N dùng sử dụng để gây thương tích cho S nên chuyển thông tin đến bộ phận nghiệp vụ Công an thành phố B tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý theo pháp luật.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Võ Thành T, Phan Thành N, Ca Văn Tuấn K phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1.1 Áp dụng điểm c, đ khoản 2 (thuộc điểm a, i, khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Trần Võ Thành T 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2 Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i, khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Phan Thành N 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp với hình phạt 07 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 66/2024/HS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt là 03 (ba) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ 23/4/2024.

1.3 Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i, khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Ca Văn Tuấn K 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao bằng kim loại, loại dao bấm, chiều dài khi gấp lại là 13,5cm, chiều dài khi mở ra: 24 cm, lưỡi dao dài 11cm, mũi nhọn, chiều rộng: 3,3cm, màu: đen-trắng là công cụ Trần Võ Thành T dùng gây thương tích cho Tổng Trường D và Trương Văn S; 01 (một) con dao bằng kim loại, màu đen, loại dao bấm, kích thước khi gấp lại: chiều dài: 13 cm, chiều rộng: 3,5cm; kích thước khi bật ra: chiều dài: 23cm, chiều rộng: 3,1 cm, mũi dao nhọn. *(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/11/2024).*

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các điều 357, 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Trần Võ Thành T và anh Lê Anh T6 liên đới bồi thường cho Tổng Trường D số tiền 40.300.000 (bốn mươi triệu ba trăm nghìn) đồng trong đó
16

phần của mỗi người là $\frac{1}{2}$. Ghi nhận anh Trần Ngọc T1 là cha ruột của Trần Võ Thành T đã bồi thường cho D 5.000.000 đồng nên buộc tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 35.300.000 (ba mươi lăm triệu ba trăm nghìn) đồng.

Nếu bị cáo Trần Võ Thành T và anh Lê Anh T6 không đủ tài sản để bồi thường thì buộc ông Trần Ngọc T1; bà Võ Thị Hải H (là cha, mẹ của bị cáo T); ông Lê Thành V; Nguyễn Thoại Q (là cha, mẹ của anh Lê Tuấn A) liên đới bồi thường phần bị cáo Trần Võ Thành T và Lê Anh T6 chưa bồi thường.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Trần Võ Thành T, Phan Thành N, Ca Văn Tuấn K mỗi người phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Trần Võ Thành T, Lê Anh T6 liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.765.000 (Một triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng trong đó phần của mỗi người là $\frac{1}{2}$.

5. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Tam Phước, H. CT, TBT (1b);
- UBND xã Bình Phú, TP. Bến Tre (1b);
- UBND P. Phú Khương, TPBT (1b);
- Bị cáo, NTGTT (14b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (9b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình